

Một Số Chữ Cổ Việt Nam Hiện Nay Vẫn Còn Dùng

Băng Khuông

Từ thời xa xưa, ngôn ngữ Việt Nam đã rất đa dạng, phong phú. Nhất là những ngữ cổ bởi chúng có thể diễn tả sâu sắc nội tâm của con người, diễn tả chi tiết về sự vật, hiện tượng... Cho đến ngày nay, chúng vẫn tồn tại nhưng lại thường bị mất nghĩa hoặc bị hiểu sai. Dưới đây là một số chữ cổ tưởng chừng vô nghĩa nhưng lại có ý nghĩa rất bất ngờ và thú vị.

* YÊU DẤU

Chúng ta vẫn thường nói: “Em yêu dấu.” “Yêu” thì hiểu rồi, nhưng “dấu” nghĩa là gì?

“Dấu” là một chữ cổ, sách “Đại Nam quốc âm tự vị” của Huỳnh Tịnh Của giảng: “Dấu” nghĩa là “yêu mến.” “Từ điển Việt-Bồ-La” của Alexandre de Rhodes (1651) cũng giải thích “Dấu” là một chữ cổ để chỉ sự thương yêu. Ông cho ví dụ: **Thuốc dấu** là **“bùa để làm cho yêu.”** Tục ngữ Việt Nam nói **“Con vua vua dấu, con chúa chúa yêu,”** còn Hồ Xuân Hương trong bài thơ “Cái quạt giấy” (bài hai) thì viết **“Chúa dấu vua yêu một cái này.”**

Có thể thấy, “Dấu” và “Yêu” là hai chữ có ý nghĩa tương đương, ngày xưa dùng hai chữ độc lập, nhưng bây giờ ta có thể thấy chữ “yêu” vẫn còn được viết hay nói một mình, còn chữ “dấu” thì không ai dùng một mình nữa. Giờ đây, thay vì “Anh yêu em” mà nói “Anh dấu em” thì không khéo lại bị hỏi là “Anh giấu cái gì?”

* CHỢ BÚA

Trong chữ “chợ búa” thì **“búa”** có nghĩa là gì?

“Búa” trong “chợ búa” chắc chắn không liên quan đến cái búa để đốn cây rồi. Tuy còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng ý kiến được xem là vững chắc nhất thì cho rằng **“búa” là âm xưa của chữ [鋪],** âm Hán Việt hiện đại là của chữ này là **“phố”** nghĩa là cửa hàng, là nơi buôn bán. Chợ búa nói chung là nơi người ta tụ tập mua bán.

“Búa” trong tiếng Việt hiện đại đã dần mất nghĩa và **không dùng độc lập**, nhưng nếu nói nó vô nghĩa thì không đúng. Tiếng Việt có rất nhiều chữ cổ bị mất nghĩa khi đứng một mình, nhưng chúng không vô nghĩa.

* GẬY GỘC

Người ta nói “gậy gộc.” “Gậy” thì hiểu rồi, còn **“gộc”**?

“Gộc” là chữ mà hiện nay đã không còn nghĩa độc lập. Tiếng Hán, “gộc” là chữ này [裕]. Sách “Đại Nam quốc âm tự vị” của Huỳnh Tịnh Của giảng: **“Gộc” là “cây củi có khúc đẵn (?) mà lớn”** và cho ví dụ **“ông gộc”** là người già cả hơn hết hoặc làm lớn hơn hết trong một xứ. Cũng có tài liệu giảng “gộc” là “đoạn gốc của cây tre, cây vầu” hay có nghĩa là “to lớn.”

Như vậy, “gậy gộc” nghĩa là những cây gậy lớn, thường dùng để đánh nhau.

* HỎI HAN

Mình hay nói “hỏi han” nhau. “Hỏi” thì rõ nghĩa rồi, vậy **“han”** có nghĩa không?

Tương tự như “gậy gộc,” “hỏi han” không phải là chữ láy mà là chữ ghép đẳng lập, trong đó cả “hỏi” và “han” đều có nghĩa. “Đại Nam quốc âm tự vị” của Huỳnh Tịnh Của giải thích: **“Han” nghĩa là “hỏi tới,” “nói tới.”** Theo đó, “hỏi han” nghĩa là hỏi một việc gì đó, hỏi tới hay nói tới một việc nào đó.

Truyện Kiều của Nguyễn Du dùng **“han” như một chữ độc lập**, không dính đến chữ “hỏi,” trong câu:

*“Trước xe lơi là han chào
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.”*

(Phần Kiều rơi vào tay Tú Bà và Mã Giám Sinh).

“Han chào” chính là **chào hỏi**.

* TO TÁT, TUỔI TÁC

Khi mình nói về một chuyện gì đó “to tát” thì “tát” có nghĩa là gì?

“To tát” không phải là chữ láy mà là chữ ghép, cả “to” và “tát” đều có nghĩa. Tuy nhiên, “tát” ở đây là một mình chứng cho hiện tượng dùng sai nhiều thì thành đúng trong ngôn ngữ. “**Tát**” đúng ra phải dùng là “**tác**.” “**Tác**” nghĩa là lớn, ta thường gặp qua chữ “tuổi tác.” Khi nói “tuổi tác” thì đã mang nghĩa **lớn tuổi, già rồi**. Như vậy ngày nay mình hay nói “tuổi tác đã lớn,” cách nói này xét về nguồn gốc thì không đúng, bị lặp chữ.

Do trong quá trình sử dụng đã có nhiều biến chuyển, nên “**tuổi tác**” thường dùng để chỉ **tuổi**. Thậm chí tuổi còn nhỏ cũng dùng “tuổi tác.” Ví dụ: “Tuổi tác còn nhỏ,” “tuổi tác mới có bầy lớn,”...

Riêng chữ “to tát” để chỉ cái gì đó lớn thì đã dùng thành “to tát.” Tuy nhiên, để viết đúng chính tả tiếng Việt hiện đại thì mình vẫn cứ dùng “to tát.”

* CẦN CÙ

Có câu, “*cần cù bù thông minh*.” “Cần cù” là chữ láy hay chữ ghép? “Cù” có nghĩa gì không?

“Cần cù” là chữ ghép, cả “cần” và “cù” đều có nghĩa. Đây là chữ gốc Hán, viết là 勤劬. “Cần” là siêng năng chăm chỉ, “**cù**” là **khó nhọc, vất vả**.

Chữ “cù” này còn xuất hiện trong chữ “**cù lao**” (劬劳) chỉ công ơn cha mẹ (thường nói chín chữ cù lao). Truyện Kiều có câu:

*“Duyên hội ngộ, đức cù lao
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn.”*

Không nên nhầm lẫn chữ “cù lao” này với chữ “cù lao” chỉ cồn đất/cát nổi lên giữa sông do phù sa bồi lắng.

* BẾP NÚC

– “Bếp” là nơi nấu ăn;

– “**Núc**” là “đồ đắp bằng đất thường làm ra **ba hòn**, có thể **bắc nồi nấu ăn**,” cho nên có thể hiểu núc chính là ông Táo. (theo “Đại Nam quốc âm tự vị,” Huỳnh Tịnh Của).

* THÊU THÙA

“Thêu thùa” là chữ ghép tổ hợp (hay ghép đẳng lập), trong đó cả thêu và thùa đều có nghĩa:

– “Thêu” là dùng chỉ màu dính lên bề mặt vải làm ra hoa văn;

– “**Thùa**” là kết chỉ thêm, làm cho đẹp thêm.

Về cơ bản thì “thêu” và “thùa” giống nhau, đều là hành động thêm hoa văn trang trí trên vải vóc cho đẹp. Nhưng “**thùa**” đôi khi còn có nghĩa là hành động **mạng lại chỗ vải bị rách** cho đẹp.

* VẢI VÓC

“Vải vóc” là một chữ ghép với chữ “**vóc**” cũng có nghĩa:

– “Vải” là chỉ bông hoặc đồ dệt bằng chỉ bông;

– “**Vóc**” là một xấp hàng lụa vừa đủ một quần là sáu thước may.

Ngày nay thì “vải” không nhất thiết là dệt bằng chỉ bông mà có thể dệt bằng nhiều vật liệu khác. Còn “vóc” thì ít khi thấy dùng một mình nữa, người ta thường lầm tưởng “vải vóc” là chữ láy.

Bâng Khuâng (Sưu tầm)